

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

KHÁI QUÁT VỀ LẬP PHÁP TÔN GIÁO Ở TRUNG QUỐC

TANG KIẾT^(*)

P hương châm cơ bản của công tác tôn giáo trong thời kì mới thể hiện tập trung quan điểm tôn giáo của Đảng Cộng sản (ĐCS) Trung Quốc. Điều này được thể hiện trong “Bốn câu nói” đó là: *quản triệť toàn diện chính sách tự do tín ngưỡng tôn giáo của Đảng; dựa vào luật pháp để quản lí tôn giáo; kiên trì nguyên tắc độc lập tự chủ; tích cực gắn kết giữa tôn giáo và xã hội xã hội chủ nghĩa*. Do vậy có thể thấy, nhà nước dựa vào luật pháp để quản lí công tác tôn giáo, bảo đảm lợi ích hợp pháp của giới tôn giáo và các hoạt động tôn giáo chính đáng, nghiêm cấm và ngăn chặn các hành động lợi dụng tôn giáo để tiến hành các hoạt động phạm pháp, đó là một trong những nội dung quan trọng trong quan điểm của ĐCS Trung Quốc về tôn giáo. Trong quá trình xây dựng nhà nước pháp trị xã hội chủ nghĩa, dựa vào luật pháp để trị nước như hiện nay, làm thế nào để đưa công tác tôn giáo vào quỹ đạo pháp trị là một nhiệm vụ quan trọng mà Trung Quốc nhất định phải đối diện.

1. Quá trình cơ bản lập pháp tôn giáo của Đảng Cộng sản Trung Quốc

Quá trình lập pháp tôn giáo của ĐCS

Trung Quốc có thể phân thành 3 giai đoạn: *thời kì chủ nghĩa dân chủ mới, thời kì xây dựng đất nước trước và sau Cách mạng Văn hóa và thời kì từ cải cách mở cửa đến nay*.

1.1. Lập pháp tôn giáo thời kì cách mạng chủ nghĩa dân chủ mới

Trong thời kì này, ĐCS Trung Quốc chú trọng lấy pháp luật để giải quyết các công việc tôn giáo. *Thứ nhất*, thời kì Cộng hòa Xô Viết Trung Hoa là khởi đầu cho pháp luật hóa chính sách tôn giáo của ĐCS Trung Quốc, là dấu hiệu đầu tiên của lập pháp tôn giáo của ĐCS Trung Quốc. Tháng 11 năm 1931, tại Giang Tây, Trung ương ĐCS Trung Quốc căn cứ vào “Đại cương Hiến pháp Cộng hòa Xô Viết Trung Hoa” (sau đây gọi tắt là Đại cương Hiến pháp) được thông qua tại Đại hội Đại biểu lần thứ nhất Xô Viết Trung Hoa để đưa ra những quy định rõ ràng về các công việc tôn giáo. Điều 13 của Đại cương Hiến pháp quy định: “Chính quyền Xô Viết Trung Hoa lấy việc bảo đảm tự do tín ngưỡng chân chính của công nhân, nông dân và quần chúng lao động nghèo khổ làm mục

*. Bài đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo thế giới, số 1 năm 2006 (tiếng Trung).

tiêu thực tế, tuyệt đối thực hành nguyên tắc chính giáo phân li [...] giáo hội của chủ nghĩa đế quốc chỉ có thể tồn tại khi phục tùng pháp luật Xô Viết”. Điều 4 quy định: “Trong phạm vi của chính quyền Xô Viết, công nhân, nông dân, hồng quân và tất cả quần chúng lao động nghèo khổ cùng gia đình của họ không phân biệt nam nữ, chủng tộc, tôn giáo đều bình đẳng là công dân của Xô Viết”⁽¹⁾. Tháng 12 năm 1931, Ủy ban Trung ương Xô Viết ban bố “Pháp lệnh ruộng đất nước Cộng hòa Xô Viết Trung Hoa”, Điều 6 quy định: “Tất cả đền chùa miếu mạo và ruộng đất công cộng khác, chính quyền Xô Viết phải bàn giao một cách vô điều kiện cho nông dân; nhưng trong khi thực hiện và giải quyết vấn đề ruộng đất này, cần phải thuyết phục được sự đóng góp tự nguyện của nông dân, lấy việc không làm trở ngại tình cảm tôn giáo của họ làm nguyên tắc”⁽²⁾.

Thứ hai, trong cuộc trường chinh dài 2 vạn 5 ngàn dặm, ĐCS Trung Quốc trong điều kiện cực kì gian khổ, tiếp tục tiến hành nghiên cứu lập pháp đối với tôn giáo, nhằm xây dựng cơ sở tôn giáo tốt nhất. ĐCS Trung Quốc kiên quyết và thực hiện nhất quán nguyên tắc tự do tín ngưỡng tôn giáo, tôn trọng phong tục tập quán của các đồng bào dân tộc thiểu số, đồng thời chỉ ra: “bảo vệ tự do tín ngưỡng của dân tộc Hồi Hán”, “phản đối việc xâm hại tình cảm tôn giáo và phong tục tập quán của dân tộc Hồi, Phiên”, nghiêm cấm quân đội tùy tiện tiến vào chùa Lạt Ma và chùa Thanh Chân. Đặc biệt, Chính phủ tự trị Bắc ba Trung ương Xô Viết Trung Hoa dưới sự thành lập của Chu Đức và các nhà lãnh đạo khác vào tháng 4 năm 1936 đã

ban bố pháp lệnh về tôn giáo đầy đủ nhất, sớm nhất mà đến nay chúng ta có thể thấy, đề cập đến quan điểm của đảng đối với khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, đó là pháp lệnh “Điều lệ tạm thời về chùa Lạt Ma và Lạt Ma”⁽³⁾.

Thứ ba, trong thời kì Chính phủ biên khu Thiểm Cam Ninh, lập pháp tôn giáo của ĐCS Trung Quốc đã có vai trò phát huy tính tích cực kháng Nhật của quần chúng theo tôn giáo, xây dựng được mặt trận dân tộc thống nhất kháng Nhật rất to lớn, đồng thời cũng đặt cơ sở cho phương diện tôn giáo. Năm 1936 Trung ương ĐCS Trung Quốc đến Thiểm Bắc, thành lập Chính phủ khu vực Thiểm Cam Ninh. Việc lập pháp tôn giáo của ĐCS Trung Quốc bao trùm lên nhiệm vụ trung tâm là kháng chiến chống Nhật, không chỉ kiên trì nguyên tắc tự do tín ngưỡng tôn giáo, mà còn đưa ra chính sách bảo vệ các cơ sở tôn giáo (chùa, miếu, nhà thờ, v.v...) và những người làm trong tôn giáo.

Ngày 4/4/1939 ban hành “Cương lĩnh thi hành trong thời kì kháng chiến ở vùng Thiểm Cam Ninh”, Điều 6 quy định: “Trên cơ sở nguyên tắc không xâm hại chủ quyền khu vực, bảo vệ tất cả người dân, người kinh doanh, giáo dân trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, các hoạt động văn hóa trong khu vực”. Điều 8

1. *Tuyển tập văn kiện Pháp luật Cộng hòa Xô Viết Trung Hoa*, {M}, Khoa Luật Đại học Hạ Môn, Thư viện tư liệu Phúc Kiến tuyển chọn, Nxb. Nhân dân Giang Tây, 1984, tập 7, tr. 8.

2. *Tuyển tập văn kiện Pháp luật Cộng hòa Xô Viết Trung Hoa*, {M}, tài liệu đã dẫn, tr. 371.

3. Trích theo: *Đảng Cộng sản TQ ban bố pháp lệnh tôn giáo đầu tiên đối với khu vực đồng bào dân tộc*, Chu Tích Ngân, Tạp chí Tứ Xuyên văn vật, (Thành Đô), số 4, 1985, tr. 27 - 29.

quy định: “Bảo đảm cho người dân được tự do ngôn luận, xuất bản, lập hội, hội họp, tín ngưỡng, dân chủ, đi lại và thông tin”⁽⁴⁾.

Ngày 01/5/1941, Cương lĩnh chính trị thực hiện ở biên khu mới cũng quy định: “Trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc chủ quyền của Trung Quốc và tuân thủ pháp lệnh của Chính phủ Trung Quốc, cho phép bất kì người nước ngoài nào đến vùng biên khu du lịch, tham gia công tác kháng Nhật hoặc đến vùng biên khu để hoạt động tôn giáo và các hoạt động văn hóa”⁽⁵⁾.

Tháng 11 năm 1941, hội nghị lần thứ hai vùng biên khu đã sửa chữa và thông qua “Điều lệ bầu cử hội nghị biên khu Thiểm Cam Ninh” trong đó quy định nhân dân vùng biên khu không phân biệt theo hay không theo tôn giáo, đều có quyền bầu cử và quyền ứng cử”⁽⁶⁾.

Ngày 2 tháng 2 năm 1942, “Điều lệ bảo vệ quyền tài sản, quyền con người vùng biên khu Thiểm Cam Ninh” nhấn mạnh: “Tất cả nhân dân vùng kháng chiến chống Nhật, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, v.v... đều có quyền tự do ngôn luận, xuất bản, tín ngưỡng, v.v... đồng thời đều được hưởng quyền lợi dân chủ bình đẳng”⁽⁷⁾.

1.2. Lập pháp tôn giáo thời kì xây dựng đất nước trước và sau Cách mạng Văn hóa

Đặc điểm nổi bật thời kì này là ĐCS Trung Quốc giành được chính quyền, từ đó tư tưởng pháp trị tôn giáo của Đảng đặt trên cơ sở kiên trì ý chí quốc gia. **Thứ nhất**, tự do tín ngưỡng tôn giáo được đưa vào Hiến pháp, nâng lên thành ý chí quốc gia, từ đó lập pháp tôn giáo đưa ra việc bảo vệ một cách căn bản. Tháng 9

năm 1949, Hội nghị Hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc lần thứ nhất tổ chức tại Bắc Kinh đã thông qua một văn bản mang tính Hiến pháp lâm thời: “*Cương lĩnh chung Hội nghị Hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc*”, Điều 5 quy định: “Nhân dân Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có các quyền tự do tư tưởng, ngôn luận, xuất bản, hội họp, lập hội, thông tin, nhân thân, cư trú, đi lại, tôn giáo, tín ngưỡng, v.v...”, “các dân tộc thiểu số đều có quyền phát triển ngôn ngữ, chữ viết của mình, có quyền giữ gìn hoặc cải cách phong tục tập quán và quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng”. Năm 1954, Hiến pháp quy định: “Công dân của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng”. Hiến pháp năm 1975 và 1978 đều quy định: “Công dân có quyền tự do theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo, tự do tuyên truyền vô thần luận”.

Thứ hai, hoạt động tôn giáo phải phù hợp với chính sách, pháp luật của nhà nước, còn những hoạt động tôn giáo vượt qua phạm vi của hiến pháp, pháp luật cần nghiêm khắc ngăn chặn và giải quyết.

4. Thiểm Cam Ninh biên khu kháng Nhật dân chủ căn cứ địa. *Tây Bắc ngũ tỉnh khu biên soạn lãnh đạo tiểu tổ*, Viện Tư liệu Trung ương biên tập, Nxb. Tư liệu lịch sử Đảng CS TQ, 1990.

5. ĐCS Trung Quốc. *Trung ương kháng Nhật dân tộc thống nhất chiến tuyến văn kiện tuyển chọn, Bộ chiến tranh thống nhất*, Viện Tư liệu Trung ương biên tập, Nxb. Tư liệu, 1986.

6. *Tuyển tập văn kiện Chính phủ biên khu Thiểm Cam Ninh*, Thư viện tỉnh Thiểm Tây, Viện KHXH tỉnh Thiểm Tây tổng hợp biên soạn, Nxb. Tư liệu, 1987.

7. *Tuyển tập văn kiện chính phủ dân tộc kháng Nhật của Trung ương ĐCS Trung Quốc*, Thư viện Tỉnh Thiểm Tây, Viện KHXH tỉnh Thiểm Tây tổng hợp biên soạn, Nxb. Tư liệu, 1987.

Đầu thời kì xây dựng đất nước, Chu Ân Lai chỉ ra tôn giáo cần phải hoạt động trong phạm vi chính sách, pháp luật và hiến pháp của đất nước, việc truyền giáo cần phải có nhiều giới hạn. Ông nói: “Chúng ta không đến nhà thờ để tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin và giới tôn giáo cũng không ra đường phố để truyền giáo, đây có thể xem là một thỏa thuận, một hiệp nghị giữa Chính phủ và giới tôn giáo”⁽⁸⁾. Tháng 3 năm 1956, Chu Ân Lai tiếp tục nhấn mạnh: “Nhân dân Trung Quốc được hoàn toàn tự do trên lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng. Nhưng lợi dụng tôn giáo tiến hành các hoạt động phá hoại và chống đối Chính phủ là phạm pháp, phạm pháp thì không có tự do”⁽⁹⁾.

Thứ ba, các quy định pháp luật đã thể hiện sự quan tâm, chăm sóc của Chính phủ đối với đời sống vật chất của đồng bào các tôn giáo. Đối với vấn đề cuộc sống của các nhân sĩ trong giới tôn giáo, ĐCS Trung Quốc luôn luôn quan tâm chăm sóc. Tháng 6 năm 1950 Trung Quốc ban bố *Luật cải cách ruộng đất của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, trong đó quy định: “Các tăng, ni, đạo sĩ, giáo sĩ ở nông thôn, nếu có khả năng lao động, có nguyện vọng lao động sản xuất nông nghiệp mà không có công việc để duy trì cuộc sống, thì sẽ được phân cho một phần ruộng đất và tư liệu sản xuất, giống như nông dân”⁽¹⁰⁾. Ngoài ra, Chính phủ nhân dân trừ giảm thuế đất, thuế nhà cho giáo hội, nhà thờ, chùa chiền, các công trình công cộng của tôn giáo, cũng như cho các giáo chức tôn giáo.

1.3. *Lập pháp tôn giáo thời kì từ cải cách mở cửa đến nay*

Năm 1978, Hội nghị Trung ương 3 khoá XI, ĐCS Trung Quốc và Chính phủ Trung Quốc đã mở ra kỉ nguyên mới - kỉ nguyên cải cách mở cửa. Trên lĩnh vực tôn giáo, đã tiến hành phản tư đối với những biện pháp và tư tưởng sai lầm “tả khuynh”, tiến hành “lập lại trật tự”. Trên cơ sở đó, vấn đề lập pháp tôn giáo của Trung Quốc đã tạo được nhiều sự đột phá.

Thứ nhất, năm 1982 Trung ương ĐCS Trung Quốc ban hành *Chính sách và quan điểm cơ bản của vấn đề tôn giáo trong thời kì chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc* (thường gọi là Văn kiện số 19). Đây là sự mở đầu cho thời kì lập pháp tôn giáo mới. Văn kiện này đã lập lại trật tự đối với công tác tôn giáo của Trung Quốc, làm cho công tác tôn giáo quay trở lại quỹ đạo khoa học của chủ nghĩa Mác, tư tưởng Mao Trạch Đông. Đồng thời, đây cũng là một sự phát triển mang tính sáng tạo đối với lí luận tôn giáo của chủ nghĩa Mác. Đối với công tác lập pháp tôn giáo, Văn kiện số 19 đã chỉ ra một số quan điểm và biện pháp mới, đó là:

1. Định ra các quy phạm pháp luật thiết thực đối với các hoạt động tôn giáo. Văn kiện chỉ ra: “Nhằm làm cho các hoạt động tôn giáo được phát triển một cách bình thường, Nhà nước trước nay vẫn căn cứ vào trình tự pháp luật, thông qua hiệp thương thỏa đáng với các nhân sĩ đại diện của giới tôn giáo, lập ra các quy phạm pháp luật tôn giáo thiết thực”.

8. Chu Ân Lai. *Văn tuyển mật trận thống nhất*, Nxb. Nhân dân, 1984, tr. 181-182.

9. *Cuộc đời Chu Ân Lai, 1949-1976*, quyển thượng, Nxb. Văn hiến Trung ương, 1997, tr. 560.

10. *Tuyển tập văn kiện quan trọng từ khi thành lập nước*, quyển 1, Nxb. Văn hiến Trung ương, 1992, tr. 340.

2. Trong phạm vi Hiến pháp và pháp luật của nhà nước, phát huy một cách đầy đủ vai trò yêu nước của các tổ chức tôn giáo. Văn kiện chỉ ra, cần “phát huy một cách đầy đủ tính tích cực của các tổ chức tôn giáo, giúp cho các tổ chức này chủ động triển khai các hoạt động có ích trong phạm vi Hiến pháp và pháp luật, trở thành những đoàn thể tôn giáo có ảnh hưởng tích cực, trở thành cầu nối đoàn kết, phấn đấu của Đảng, Chính phủ và nhân sĩ trong giới tôn giáo”.

3. Dựa vào pháp luật, nghiêm khắc ngăn chặn các hoạt động phạm pháp. Văn kiện chỉ ra, kiên quyết bảo vệ tất cả những hoạt động tôn giáo chính đáng, đồng thời nghiêm khắc ngăn chặn và xử lý các hoạt động vi phạm pháp luật, chỉ có như vậy mới có thể thực hiện các hoạt động tôn giáo một cách chính đáng.

4. Dựa vào trình tự pháp luật kiên quyết đánh bại mọi hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch. Văn kiện đặc biệt nhấn mạnh, “việc đánh bại các hoạt động phá hoại này, cần thông qua thẩm tra một cách kỹ lưỡng, nắm chắc những chứng cứ xác đáng, đồng thời đợi thời cơ thuận lợi, dựa vào pháp luật để giải quyết, không giải quyết một cách thô bạo”⁽¹¹⁾.

Thứ hai, ngày 05/02/1991, Trung ương ĐCS Trung Quốc và Quốc vụ viện đã ban hành Thông tri *Về tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa những vấn đề của công tác tôn giáo* (gọi tắt là Văn kiện số 6 năm 1991). Văn kiện này đã thúc đẩy mạnh mẽ việc đưa tiến trình lập pháp tôn giáo bước vào một giai đoạn mới. Hàm ý đầu tiên của Văn kiện số 6 là dựa vào luật pháp để quản lý công tác tôn giáo, chỉ ra rằng

“Chính phủ dựa vào pháp luật để tiến hành quản lý tôn giáo, tức là Chính phủ thực thi giám sát và quản lý hành chính đối với các chính sách, pháp quy, pháp luật liên quan đến tôn giáo”, “tức là giúp cho các hoạt động tôn giáo nằm trong khuôn khổ chính sách, pháp quy và pháp luật, mà không phải đi vào can thiệp những công việc nội bộ của các đoàn thể tôn giáo và các hoạt động tôn giáo”. Ngoài ra, Văn kiện số 6 còn tiếp tục nhấn mạnh việc tiếp tục đẩy nhanh công tác lập pháp tôn giáo: “Cần đẩy nhanh công tác lập pháp tôn giáo, Cục Tôn giáo của Chính phủ cần sớm nắm chắc các pháp quy hành chính liên quan đến công tác tôn giáo”. Năm 2001 tại Hội nghị Tôn giáo toàn quốc và năm 2002 trong quyết định của Trung ương về tăng cường công tác tôn giáo, đã chỉ ra cần phải đẩy nhanh chế định “Điều lệ công tác tôn giáo”. Sau đó, đã triển khai một loạt các hoạt động lập pháp tôn giáo, chế định một số pháp quy hành chính tôn giáo, cơ chế các bộ ngành và địa phương về tôn giáo. Trong số đó, có các văn bản khá quan trọng như *Điều lệ công tác tôn giáo* được Quốc vụ viện thông qua ngày 07/7/2004, *Quy định quản lý hoạt động tôn giáo của người nước ngoài sống tại Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, *Điều lệ quản lý địa điểm hoạt động tôn giáo* do Quốc vụ viện ban hành tháng 1 năm 1994, v.v..

Cuối cùng, năm 1982 việc sửa đổi Hiến pháp đã đưa ra sự bảo đảm cho việc lập pháp tôn giáo trong giai đoạn mới, tình

11. *Tuyển chọn những văn kiện quan trọng từ Hội nghị Trung ương 3 đến nay*, Phòng nghiên cứu văn kiện Trung ương ĐCS Trung Quốc biên tập, Nxb. Nhân dân, 1982, tr. 1153, 1154, 1158, 1160.

hình mới. Trong hệ thống luật pháp, Hiến pháp là tối cao, tất cả pháp luật đều không được đi ngược lại Hiến pháp. Hiến pháp hiện hành có 4 điều căn bản đề cập tới vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo, đó là điều 33, 34, 38, 51. Theo quan điểm pháp trị tôn giáo, Hiến pháp hiện hành và Hiến pháp sửa đổi đã đưa ra những quy định mang tính sáng tạo như sau:

1. Năm 2003, Hội nghị Đại biểu nhân dân toàn quốc lần thứ hai đã đưa “chủ thể xây dựng sự nghiệp XHCN” vào Hiến pháp của Trung Quốc. Giang Trạch Dân năm 2001 trong bài phát biểu tại Hội nghị Tôn giáo toàn quốc đã chỉ ra: “Trung Quốc có trên 100 triệu quần chúng theo tín ngưỡng tôn giáo, họ cũng là lực lượng tích cực xây dựng CNXH mang đặc sắc Trung Quốc”. Việc xem quần chúng theo tín ngưỡng tôn giáo là lực lượng tích cực xây dựng CNXH là một sự nhận thức sâu sắc đối với tình hình tôn giáo và tình hình đất nước trong giai đoạn đầu xây dựng CNXH ở Trung Quốc.

2. Điều 33 Hiến pháp đã bổ sung thêm điều khoản “nhà nước tôn trọng và bảo đảm nhân quyền”. Trong điều kiện tình hình quốc tế phức tạp như hiện nay, vấn đề nhân quyền ngày càng được mọi người quan tâm. Giang Trạch Dân trong Hội nghị Tôn giáo toàn quốc cho rằng, “Trung Quốc thi hành chính sách tự do tín ngưỡng tôn giáo, đó là sự thể hiện quan trọng đối với việc tôn trọng nhân quyền. Quy định của Hiến pháp đối với vấn đề nhân quyền, thể hiện Trung Quốc tích cực tham gia đối thoại nhân quyền với quốc tế trên tinh thần giao lưu và hiểu biết lẫn nhau”.

2. Tôn chỉ của lập pháp tôn giáo

Từ khi bước vào xã hội hiện đại đến nay, xu thế tôn giáo thế tục hóa, các hiện tượng tà giáo, các tôn giáo mới, v.v... đã tạo nên tính phức tạp của tôn giáo. Tính phức tạp đặc thù của tôn giáo này đòi hỏi lập pháp tôn giáo phải thể hiện tôn chỉ lập pháp rõ ràng. Tôn chỉ của lập pháp tôn giáo là căn cứ lí luận quan trọng để chủ thể lập pháp dựa vào đó mà tiến hành các hoạt động lập pháp, là nhận thức lí tính chỉ đường cho hoạt động lập pháp, cụ thể có một số nội dung cơ bản dưới đây:

Thứ nhất, lập pháp tôn giáo cần phải lấy bảo vệ tự do tôn giáo, tín ngưỡng làm tôn chỉ. Xét thấy tôn giáo Trung Quốc có các đặc điểm là tính quần chúng, tính phức tạp, tính dân tộc, tính quốc tế, tính trường tồn, ĐCS và Chính phủ Trung Quốc nhất quán thực hiện chính sách tự do tôn giáo, tín ngưỡng, đồng thời dựa vào Hiến pháp để xác nhận tự do tín ngưỡng tôn giáo là một “quyền lợi căn bản của công dân Trung Quốc”. Trung Quốc có trên 100 triệu quần chúng theo tôn giáo, việc bảo vệ tự do tín ngưỡng, tôn giáo cũng chính là bảo vệ và giữ gìn lợi ích của nhân dân, thể hiện việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, cũng chính là kiên trì lập đảng vì công, cầm quyền vì dân. Chính sách tự do tín ngưỡng tôn giáo phù hợp với điều kiện Trung Quốc, cũng phù hợp với lợi ích chung của nhân dân các dân tộc trong nước, do vậy đã nhận được sự ủng hộ và nhất trí của quảng đại quần chúng nhân dân bao gồm những người có đạo và những người không có đạo. Về căn bản mà nói, giải quyết đúng đắn vấn đề tôn giáo, chính là giải quyết

đúng đắn vấn đề quần chúng nhân dân. Đồng chí Mao Trạch Đông đã nói: “Có nhiều quần chúng theo đạo như vậy, chúng ta cần làm công tác quần chúng, chúng ta không thể không hiểu tôn giáo”. ĐCS Trung Quốc trước sau như một đại diện lợi ích căn bản của quảng đại quần chúng nhân dân, trong đó đương nhiên bao gồm lợi ích căn bản của quảng đại quần chúng theo đạo, là sự thể hiện quan trọng việc tôn trọng và bảo đảm quyền con người, đó cũng chính là điều không thể thiếu để xây dựng khối đoàn kết của quần chúng nhân dân.

Bước vào giai đoạn mới, bối cảnh mới, tôn giáo Trung Quốc xuất hiện một loạt đặc điểm mới - tính thích ứng chính trị, tính đa tầng bậc của người theo tín ngưỡng, tính khu vực của phát triển và tính thâm thấu của văn hóa. Trước những đặc điểm mới, tình hình mới này càng đòi hỏi Trung Quốc quán triệt toàn diện chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời đưa các quyền lợi công dân này bảo đảm trong Hiến pháp. Vì vậy, tôn chỉ lập pháp tôn giáo đầu tiên biểu hiện là sự bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Thứ hai, lập pháp tôn giáo cần phải lấy việc tích cực kết nối giữa tôn giáo và xã hội xã hội chủ nghĩa làm tôn chỉ. Có nghĩa là ĐCS Trung Quốc xuất phát từ điều kiện Trung Quốc đang ở giai đoạn đầu thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, tổng kết những kinh nghiệm thành công trong công tác tôn giáo kể từ khi thành lập nước đến nay, cũng như quy luật khách quan của sự phát triển của bản thân tôn giáo để đưa ra những quan điểm khoa học. Tôn giáo và xã hội tương đồng

là biểu hiện đầu tiên của quy luật phát triển xã hội, là thực tế khách quan của sự phát triển lịch sử. Sau khi tôn giáo xuất hiện trong xã hội nguyên thủy, cùng với sự biến đổi của hình thái xã hội mà tôn giáo cũng có sự cải biến về hình thức và tính chất, đây chính là kết quả của việc thích ứng với sự phát triển xã hội¹². Ở Trung Quốc, sau khi xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, cùng với sự cải tạo sâu sắc chế độ xã hội và chế độ tôn giáo, tình hình tôn giáo đã có bước biến đổi to lớn. Tôn giáo Trung Quốc đã bước vào quỹ đạo thích ứng với xã hội xã hội chủ nghĩa. Quảng đại tín đồ tôn giáo Trung Quốc đều nhận được sự lãnh đạo của Đảng, kiên trì con đường chủ nghĩa xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc, sở dĩ như vậy là vì tất cả những điều đó đều phù hợp với lợi ích căn bản của quần chúng nhân dân và đồng bào theo tôn giáo. Đây chính là cơ sở chính trị cho việc gắn kết tôn giáo với xã hội xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, bản thân tôn giáo cũng chứa đựng rất nhiều nhân tố tích cực. Tôn giáo đóng vai trò là một hình thái ý thức, trong giáo lí của tôn giáo luôn có nội dung lên án cái ác, cổ vũ hướng thiện, hành thiện. Điều đó có lợi cho việc điều chỉnh mối quan hệ giữa người với người, thúc đẩy xã hội ổn định, đoàn kết. Những năm gần đây, Phật giáo đề xướng “*Trang nghiêm quốc thổ, lợi lạc hữu tình*”, Tin Lành giáo đề xướng “*Vinh thân ích nhân*”, Đạo giáo đề xướng “*Từ ái hòa đồng, tế thế độ nhân*”, Công giáo đề xướng “*Yêu nước là sứ mệnh trần thế của Thiên Chúa*”, Islam giáo đề xướng “*Lưỡng*

12. Cung Học Tăng. *Tích cực chỉ đạo sự thích ứng giữa tôn giáo và xã hội xã hội chủ nghĩa*, Tạp chí Lí luận tuyến đầu, 1994, số 12, tr. 9-11.

thế cát khánh”, những điều này có ảnh hưởng rất lớn đối với mỗi tín đồ. Những điều này cũng thể hiện, trong nỗ lực của giới tôn giáo, chúng ta có thể hướng dẫn, định hướng để kết hợp lòng yêu nước và yêu tôn giáo của các tín đồ lại với nhau, kết hợp “làm tín đồ tốt” với “làm công dân tốt”, đưa hoạt động tôn giáo vào khuôn khổ pháp luật, thực hiện sự tương đồng giữa tôn giáo và xã hội xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, lập pháp tôn giáo cần lấy việc ngăn chặn sự xâm nhập của tôn giáo bên ngoài làm tôn chỉ. Những năm 90 của thế kỷ trước, cùng với việc kết thúc chiến tranh lạnh, vấn đề tôn giáo dần dần trở thành một trong những nhân tố quan trọng gây nên các xung đột quốc tế và mâu thuẫn xã hội ở nhiều nơi trên thế giới. Chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh quốc tế này, trên thế giới vẫn còn một số lực lượng thù địch với Trung Quốc, mưu toan lợi dụng tôn giáo để thâm nhập chính trị Trung Quốc. Tòa Thánh Vatican trên phương diện chính trị vẫn duy trì quan hệ ngoại giao với Đài Loan, không thừa nhận Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là nhà nước duy nhất hợp pháp; tự ý thông qua việc bổ nhiệm giám mục không chế quyền lãnh đạo của Công giáo Trung Quốc, xúi giục và nuôi dưỡng các lực lượng ngầm, phá hoại phương châm độc lập tự chủ của Công giáo Trung Quốc trên phương diện chính trị. Nghị viện Hoa Kỳ thậm chí vào ngày 14/5/1998 đã thông qua *Dự luật tự do tôn giáo quốc tế năm 1998*. Qua nội dung dự luật này và những vấn đề mà nó đề cập đến có thể nhận thấy, Hoa Kỳ có ý đồ lợi dụng tôn giáo, nhân quyền để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác, quảng bá quan niệm nhân

quyền, dân chủ theo kiểu Mỹ. Tất cả những vấn đề trên đây đòi hỏi lập pháp tôn giáo Trung Quốc cần phải lấy việc ngăn chặn sự thâm nhập của tôn giáo bên ngoài làm tôn chỉ.

3. Nguyên tắc căn bản của lập pháp tôn giáo

Nguyên tắc căn bản của lập pháp tôn giáo là chủ thể lập pháp lấy việc tiến hành lập pháp làm chuẩn tắc quan trọng, là sự thể hiện quan trọng của tôn chỉ lập pháp trong thực tiễn lập pháp, phản ánh chủ thể lập pháp trong quá trình kết hợp tôn chỉ lập pháp với thực tiễn lập pháp thì đặc biệt chú ý đến cái gì, là sự phản ánh quan trọng của chế độ lập pháp và ý thức lập pháp của nhà cầm quyền. Việc xác lập các nguyên tắc này giúp cho việc điều chỉnh quan hệ xã hội tôn giáo, nó vừa là sự vận dụng các điều khoản pháp luật, vừa là sự bổ sung cho các điều luật. Nguyên tắc cơ bản của lập pháp tôn giáo bao gồm những nội dung chủ yếu dưới đây:

Một là, nguyên tắc tự do tín ngưỡng tôn giáo

Bảo đảm tự do tín ngưỡng tôn giáo là tôn chỉ của lập pháp tôn giáo, cũng chính là nguyên tắc căn bản của lập pháp tôn giáo, hơn nữa là nguyên tắc đầu tiên. Bảo đảm tự do tín ngưỡng tôn giáo bao gồm hai nội dung phương diện, một là tự do tín ngưỡng tôn giáo, hai là tự do hoạt động tôn giáo. Giữa tự do hành động tôn giáo và tự do tín ngưỡng có sự khác biệt. Xem tự do tôn giáo và tự do tín ngưỡng quy định trong Hiến pháp, thể hiện sự phân biệt giữa hành động và tư tưởng. Do vậy, xuất hiện hai nguyên tắc dưới đây: (1). Nguyên tắc tự do tuyệt đối tín ngưỡng,

tôn giáo. Tôn giáo đóng vai trò là một loại hình thái ý thức, là phạm trù tinh thần của cá nhân công dân, là sự truy cầu tư tưởng của bản thân cá nhân; tín ngưỡng là việc riêng (đời tư) của cá nhân, là quyền lợi căn bản của công dân, chỉ cần không vi phạm lợi ích xã hội và trật tự căn bản, thì nhà nước không được can thiệp. C. Mác trong tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Ghotia* đã chỉ ra: “Mỗi cá nhân đều có khả năng thực hiện nhu cầu tôn giáo của mình, cũng giống như thực hiện các nhu cầu thể xác của mình”⁽¹³⁾. Ph. Ăngghen nói: “Đứng từ góc độ nhà nước mà nói, tín ngưỡng tôn giáo chỉ là việc riêng cá nhân”. V. I. Lênin cũng chỉ ra: “Bất kì ai cũng được hoàn toàn tự do tin theo bất kì tôn giáo nào, hoặc ngược lại, có thể không theo bất kì tôn giáo nào”. Nhà thần học nổi tiếng Châu Âu thời Trung cổ, Thomas Aquinas, trong cuốn *Thần học đại toàn* đã nói: “Một người là nô lệ của một người khác, thì đó chỉ là ở phương diện thể xác, mà không phải ở phương diện tinh thần, bởi vì tinh thần thì luôn luôn tự do”. (2) Hoạt động tôn giáo thì không tương đồng với nguyên tắc tự do. Tự do tín ngưỡng tôn giáo đồng thời cũng bao hàm ý nghĩa là tự do hoạt động tôn giáo. Trong thực tiễn cuộc sống hiện nay, tôn giáo không chỉ là vấn đề tín ngưỡng cá nhân mà thôi, nó còn là các tổ chức xã hội, các phương tiện xã hội và hoạt động xã hội. Tín ngưỡng cá nhân cần phải thông qua các hình thức nhất định để biểu hiện ra, do vậy tự do tôn giáo còn bao gồm cả tự do hoạt động tôn giáo. Tự do hoạt động tôn giáo biểu hiện qua một loạt hình thức bên ngoài, như các nghi thức tôn giáo, hội nghị tôn giáo, các

đoàn thể tôn giáo, truyền giáo, v.v... Tự do hoạt động tôn giáo là một dạng tự do xã hội, do vậy có thể và cần phải dùng pháp luật cùng với các quy định để ước thúc. Các hoạt động tôn giáo hễ được tiến hành trong phạm vi quy định của pháp luật thì đó là tự do, còn không thì không phải là tự do. Không được đánh đồng tự do tín ngưỡng tôn giáo với tự do hoạt động tôn giáo và tự do tôn giáo. Ngày 16/11/1981, Liên Hợp Quốc đã thông qua “Tuyên ngôn xóa bỏ mọi hình thức kì thị, bất khoan dung đối với tín ngưỡng và tôn giáo”. Tuyên ngôn quy định: công dân “được tự do lựa chọn tín ngưỡng hoặc tôn giáo, tự do này bị hạn chế nhưng chỉ trong phạm vi quy định của pháp luật và nhằm bảo đảm an toàn công cộng, ổn định, vệ sinh hoặc đạo đức, hoặc không làm ảnh hưởng đến tự do và quyền lợi của người khác”. Ngày 16/12/1966, Liên Hợp Quốc thông qua *Công ước quốc tế về quyền lợi chính trị và quyền lợi công dân*. Công ước quy định: “bất kì chủ trương cổ xúy cho thù địch dân tộc, chủng tộc, tôn giáo, dẫn đến bạo động, kì thị, thù địch, v.v... thì cần phải lấy pháp luật để ngăn chặn”. Điều 30 Hiến pháp Trung Quốc cũng quy định rõ ràng: “Bất kì một ai cũng không được lợi dụng tôn giáo để tiến hành phá hoại trật tự xã hội, gây tổn hại đến sức khỏe nhân dân, làm trở ngại đến chế độ giáo dục của nhà nước”.

Thứ hai, lấy độc lập tự chủ làm nguyên tắc

Ở Phương Tây, một số quốc gia vốn không có giáo hội chính thức, gần đây xuất hiện một khuynh hướng, ngày càng có nhiều sự giúp đỡ cho sự phát triển của

13. C. Mác, Ph. Ăngghen *Tuyển tập*, tập 3, tr. 23-24.

tôn giáo truyền thống, đồng thời tiến hành rất nhiều những hạn chế đối với sự truyền bá, xâm nhập của tôn giáo bên ngoài và các tôn giáo mới, đồng thời thông qua lập pháp giải quyết những vấn đề này. Trung Quốc ngoại trừ Đạo giáo, 4 tôn giáo còn lại: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành giáo, Islam giáo đều từ bên ngoài truyền vào. Những tôn giáo này đều có ảnh hưởng rất lớn trên thế giới. Trước khi Trung Quốc được thành lập, Tin Lành giáo, Công giáo trong thời gian dài đã bị chủ nghĩa đế quốc, thực dân lợi dụng và khống chế. Đầu những năm 50 của thế kỉ XX, Công giáo, Tin Lành giáo Trung Quốc mở ra phong trào yêu nước phản đế, thực hiện độc lập tự chủ, tự trị, tự dưỡng, tự truyền. Mấy chục năm lại đây, lập trường nguyên tắc này của tôn giáo Trung Quốc đã nhận được sự lí giải và tôn trọng của các nhân sĩ và các tổ chức tôn giáo của các nước khác trên thế giới. Đặc biệt trong xu thế mở cửa đối ngoại của Trung Quốc, lực lượng thù địch lợi dụng tôn giáo để tiến hành các hoạt động thâm nhập cũng ngày càng xuất hiện nhiều. Cùng với việc Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), mở cửa đối ngoại sẽ bước vào một giai đoạn mới, các tôn giáo Trung Quốc tiếp tục kiên trì đi theo con đường độc lập tự chủ và sẽ đối mặt với những thách thức và khảo nghiệm mới. Càng trong xu thế mở cửa đối ngoại, càng cần phải kiên trì nguyên tắc độc lập tự chủ. Do vậy, Khoản 4, Điều 33, Hiến pháp Trung Quốc quy định: “Đoàn thể tôn giáo và công việc tôn giáo không chịu sự chi phối của các lực lượng nước ngoài”.

Thứ ba, nguyên tắc chính - giáo phân li

Chính giáo phân li là kết quả tất yếu của sự phát triển tôn giáo và xã hội. Pháp là nước thực hiện chính giáo phân li sớm ở Châu Âu. Trong thế giới Islam giáo, trong lịch sử, chính giáo hợp nhất đã từng là mô thức cơ bản của mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị, vương quyền và thần quyền. Thổ Nhĩ Kỳ là một quốc gia Islam giáo đã tuyên bố thực hành chế độ chính giáo phân li sớm nhất, Islam giáo trở thành việc riêng của cá nhân công dân. Đây chính là đời sống của tôn giáo, hoạt động tôn giáo xác định lợi quốc, lợi dân và hồng dương đạo đức tôn giáo,... Trong quá trình lịch sử lâu dài của Trung Quốc, tôn giáo can thiệp vào chính quyền tuy không nghiêm trọng như các quốc gia Islam giáo, nhưng vẫn có lúc phát sinh. Hiện nay, quần chúng ở nông thôn Trung Quốc theo tôn giáo ngày càng tăng, việc xây dựng các tổ chức cơ sở đảng vẫn còn một số khâu yếu kém, tình hình chính quyền cơ sở chịu ảnh hưởng của tôn giáo ngày càng nghiêm trọng, có một số người có mưu đồ lấy tôn giáo làm ngọn cờ để can thiệp vào việc bầu cử cơ sở. Do vậy, Khoản 3 Điều 36 Hiến pháp Trung Quốc quy định: “Nhà nước bảo vệ hoạt động tôn giáo chính đáng. Bất kì người nào cũng không được lợi dụng tôn giáo tiến hành phá hoại trật tự xã hội, xâm hại sức khoẻ công dân, cản trở các hoạt động giáo dục của Nhà nước”. Do vậy, trong lập pháp tôn giáo kiên trì nguyên tắc chính giáo phân li có ý nghĩa hết sức to lớn./.

Người dịch: *Diệu Lân*